TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 12 - 2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Ngọc
2. Ông Nguyễn Xuân Thí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/02/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4302/2023/QĐ-ST ngày 13 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Chị Bùi Thị T; sinh năm: 1994; địa chỉ: Xóm P, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Bị đơn: - Anh Nguyễn Quang P; sinh năm: 1994; địa chỉ trước khi xuất cảnh: TDP D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Hiện đang trú tại: TOYAMA KEN TAKAOKA SHI ARAYASHI KI 278-5 (Nhật Bản). Vắng mặt.

Thân nhân anh Nguyễn Quang P: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1968 (mẹ đẻ anh P); Địa chỉ: TDP D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/01/2023, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và Nguyễn Quang P kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 11năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 6 năm 2022 anh Nguyễn Quang P đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Vì điều kiện làm việc cũng như khoảng cách về thời gian và địa lý nên mâu thuẫn phát sinh càng nhiều. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ

chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Chị T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng chưa có con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Quang P: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã uỷ thác tư pháp ra nước ngoài thông qua Đ tại Nhật Bản để yêu cầu cơ quan này tống đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với anh Nguyễn Quang P; thông báo qua kênh phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đ1 (VOV5), đồng thời thông báo cho người thân (gia đình anh P) biết để người thân thông báo cho anh P biết việc chị T xin ly hôn anh P, nhưng Toà án không nhận được thông tin gì từ Đ tại Nhật Bản và cũng không nhận được thông tin gì từ anh P.

- Ý kiến trình bày của bà Phạm Thị C (mẹ anh P): Anh P đã đi qua Nhật Bản làm ăn từ năm 2022 đến nay chưa về, hiện có địa chỉ đúng như địa chỉ mà chị T đã cung cấp cho Toà án; anh P có liên lạc với gia đình bằng điện thoại và có nói cho mẹ biết vợ chồng T – P đang làm thủ tục ly hôn và mong muốn Toà án tỉnh Quảng Bình giải quyết ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm và để ổn định cuộc sống riêng, về con chung và tài sản chung vợ chồng con tôi không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh P vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt anh P. Về nội dung: đề nghị xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang P; về con chung và tài sản chung không có nên không xem xét; về án phí ly hôn sơ thẩm buộc chị T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Quang P là công dân Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại: TDP D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Theo Công văn số: 3978/QLXNC-P5, ngày 28/02/2023 của Cục Q Bộ C1 thì anh Nguyễn Quang P đã xuất cảnh từ ngày 05/6/2022 chưa thấy thông tin nhập cảnh về nước. Theo chị T cung cấp thì hiện anh P có địa chỉ tại: T2 (Nhật Bản). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Toà án cho anh Nguyễn Quang P ở nước ngoài như: Toà án đã uỷ thác tư pháp thông qua Đại sứ quán của Việt Nam tại Nhật Bản để yêu cầu công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đ tại Nhật

Bản; thông báo qua kênh phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đ1 VOV5; gửi văn bản tố tụng về gia đình của bị đơn, thực hiện nêm yết văn bản tại địa phương, tại Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, tuy nghiên không nhận được thông báo về kết quả tống đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của đương sự (anh P) ở nước ngoài. Toà án đã mở phiên toà lần thứ nhất vào ngày (07/11/2023) anh P tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 277, Điều 228, điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiên hành xét xử vụ án vắng mặt anh P.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Quang P kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Theo như chị Bùi Thị T trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp nên thường xuyên ra cãi nhau. Trước Toà, chị T khẳng định tình cảm không còn và xin được ly hôn anh P. Đối với anh Nguyễn Quang P, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án mà anh P không gửi ý kiến về cho Toà án, tuy nhiên theo ý kiến của bà C (mẹ anh P) cho biết thì anh P đã biết việc chị T xin ly hôn và anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang P.

[2.2].Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.5]. Về lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài, đăng tin: chị Bùi Thị T phải chịu lệ phí uỷ thác tống đạt văn bản tố tụng, đăng thông tin trên V0V5 với số tiền 3.180.000đồng (chị T đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153, điểm b khoản 3 và điểm c khoản 5 Điều Điều 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang P;

2.Về con chung: Toà án không xem xét

3.Về tài sản chung, nợ chung: Toà án không xem xét.

4.Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 31AA/2021/0005220 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Quang P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án (06/12/2023).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thái Sơn

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND P. Quảng Phong, TX Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu Toà DS, HSVA, VP;